

Bản án số: 90/2017/ HSST
Ngày 30 tháng 11 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ - TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Tuấn.
2. Bà Nguyễn Thị Trang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thị Giang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Tuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 86/2017/HSST, ngày 09 tháng 11 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn B**, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm BN, xã TL, huyện DH, tỉnh Thái Nguyên; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Không; con ông: Trần Văn Á, sinh năm 1945, con bà Hoàng Thị T, sinh năm 1947; gia đình có 5 anh em, bị cáo là con thứ năm; vợ con chưa có; Tiền án: Ngày 20/9/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xử phạt 42 tháng tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2017 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ lưu giam Công an thành phố Sông Công.

Có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: **Hoàng Thị M**, sinh năm 1964.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm VH, xã BH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang. Chỗ ở: Xóm DL, xã BH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 02/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Hoàng Văn X, đã chết, con bà Lương Thị T, sinh năm 1935; gia đình có 11 anh em, bị cáo là con thứ tư; có chồng là Đặng Ngọc S,

đã chết, có 02 con chung, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/4/2017 đến ngày 10/10/2017, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

Có mặt tại phiên tòa

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1973.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn CV, xã ĐĐ, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 6/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Nguyễn Văn P, đã chết, con bà Bùi Thị P, đã chết. Gia đình có 7 anh em, bị cáo là con thứ bảy; có vợ là Nguyễn Thị G, sinh năm 1974, có 02 con chung, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2017 đến ngày 10/10/2017, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

Có mặt tại phiên tòa

4. Họ và tên: **Lương Văn N**, sinh năm 1958.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn ĐT, xã ĐĐ, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 7/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Lương Văn L, đã chết, con bà Bùi Thị T, sinh năm 1934; bị cáo là con duy nhất trong gian đình; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1957, có 05 con chung, con lớn sinh năm 1978, con nhỏ sinh năm 1987. Tiền án: Ngày 25/4/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 6 năm tù về tội “Mua bán, vận chuyển trái phép vật liệu nổ”. Ngày 28/5/2015 bị Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ”, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/5/2017 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

Có mặt tại phiên tòa

Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 - Vắng mặt

Trú tại: Xóm VH, xã BH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

Anh Tạ Văn H, sinh năm 1971 - Vắng mặt

Trú tại: Tổ 25, phường HS, TP TN, tỉnh Thái Nguyên

Ông Dương Quang L, sinh năm 1957 - Có mặt

Trú tại: Xóm TX, xã BH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Trần Văn B, Hoàng Thị M, Nguyễn Văn C và Lương Văn N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ truy tố về hành vi phạm tội, như sau:

Khoảng 21 giờ 50 phút ngày 18/4/2017, tổ công tác của phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên đang làm nhiệm vụ tại khu vực xóm M, xã NH, huyện ĐH thì thấy xe taxi BKS 98A - 109.35 đang dừng đỗ trên đường Quốc lộ 17 thuộc xóm M, xã NH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên nghi vấn liên quan đến ma túy nên tổ công tác tiến hành kiểm tra trên xe có Nguyễn Thị T (sinh năm: 1987, HKTT: xóm VH, xã BH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang) là lái xe, ngồi trên xe có Trần Văn B. Phát hiện thu giữ ở dưới chân nơi B ngồi có 01 túi nilon màu đen bên trong có: 02 túi nilon màu trắng hàn kín đựng bên trong mỗi túi là 10 gói hình trụ có KT dài 25cm, đường kính 3cm có ký hiệu AD1.Φ32.200g.21 nghi là thuốc nổ trọng lượng 4 kg, B khai đó là thuốc nổ T21;

+ 01 hộp giấy cứng KT 8 x 6,4 x 4,5(cm) bên trong có 100 kíp nổ bằng kim loại màu trắng có KT dài 3,8cm, đường kính 0,7cm B khai là kíp nổ số 8.

+ 01 túi nilon màu trắng đựng bên trong 03 cuộn dây màu đen có tổng chiều dài khoảng 50m nghi là dây cháy chậm;

+ 01 can nhựa loại 5 lít, can màu trắng hình tròn, trên can có ghi nhãn hiệu Dầu thực vật tinh luyện Cái Lân, bên trong can nhựa có đầy dung dịch màu vàng B khai đó là dầu hỏa dùng để trộn với thuốc nổ Anfo.

+ 02 bao tải dừa màu trắng xanh bên trong có túi nilon màu trắng đựng nhiều hạt nhỏ màu trắng nghi là thuốc nổ B khai đó là thuốc nổ Anfo có tổng trọng lượng là 50kg.

Toàn bộ số vật chứng nêu trên Bùng khai mua của Hoàng Thị M (sinh năm: 1964, HKTT: xóm VH, xã BH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang) với giá 6.100.000đ. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng đưa Bùng cùng vật chứng về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên để giải quyết.

Hồi 0 giờ 30 phút ngày 19/4/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên khám xét khẩn cấp nhà Trần Văn B tại xóm BN, xã TL, huyện ĐH thu giữ: 01 lọ nhựa màu trắng bên trong đựng 01 túi ni lông màu trắng chứa chất bột màu trắng, bên ngoài túi nilon có dán băng dính màu đen phát hiện tại trong hòm đựng thóc bằng gỗ đặt trong buồng nhà B; 02 dao lam bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng phát hiện trên hòm đựng thóc; 01 lọ nhựa màu trắng kích thước khoảng 8,5cm bên trong có chứa 33 gói giấy nhỏ đều có chứa chất bột màu trắng thu giữ tại sát chân hòm đựng thóc. B khai toàn bộ số chất bột màu trắng mà Công an thu giữ là Hêrôin của B mua về để sử dụng.

Hồi 3 giờ 30 phút ngày 19/4/2017, khám xét khẩn cấp nhà Hoàng Thị M tại xóm ĐL, xã BH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang thu giữ 02 bao tải dứa màu trắng, mặt trước bao có chữ ANONI NITRATE tại phía trong cửa xếp và cửa hậu đi ra vườn nhà M. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã bắt khẩn cấp đối với Hoàng Thị M.

Ngày 17/5/2017, bắt Nguyễn Văn C theo Lệnh bắt bị can để tạm giam, thu giữ của C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu xám và 01 sim điện thoại Viettel số 01642147449.

Quá trình điều tra hồi 13 giờ 30 phút ngày 19/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra khám xét khẩn cấp nhà Lương Văn N tại thôn ĐT, xã ĐĐ, huyện LG, tỉnh Bắc Giang thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 vật hình trụ bằng kim loại màu vàng một đầu có 02 dây điện (một dây màu đỏ, một đầu màu vàng) thu giữ tại góc cửa sổ phía dưới bên trái gian thờ đường tính từ trong nhà nhìn ra; 01 túi nilon màu đen bên trong túi linon màu trắng có 03 vật hình trụ bằng kim loại màu vàng một đầu có 02 dây điện (một dây màu đỏ, một đầu màu vàng) thu giữ tại dưới mái bếp sau nhà chính; 01 vật hình trụ màu vàng thu giữ tại gian thờ (niêm phong ký hiệu N1); 03 vật hình trụ bằng kim loại màu vàng giống nhau có dây đỏ và dây vàng (niêm phong ký hiệu N2).

Tại kết luận giám định số: 557/ KL – PC54 ngày 25/4/2017, của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận chất bột màu trắng thu giữ khi khám xét nhà Trần Văn B là chất ma túy, loại Hêrôin, có tổng trọng lượng 3,05 gam.

Tại kết luận giám định số: 561/ KL – PC54 ngày 25/4/2017, của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận vật chứng thu giữ khi bắt quả tang **Trần Văn B** là:

+ 01 (một) vật hình trụ vỏ bằng kim loại màu trắng bạc dài 3,8 cm đường kính 0,7 cm (ký hiệu G1) là vật liệu nổ, loại kíp nổ đốt số 8, tính năng của kíp là rất nhạy nổ, tác dụng dùng để kích nổ lượng thuốc nổ.

+ 01 (một) vật hình trụ bên ngoài bọc giấy chống ẩm màu nâu, dài 25 cm, đường kính 03 cm bên trong có chứa chất bột màu trắng (ký hiệu G2) là thuốc nổ Amonit, tính năng của thuốc nổ Amonit dùng để phá hủy mục tiêu, tác dụng để phá đá mở đường, khai khoáng mỏ.

+ 01 (một) vật hình trụ bên ngoài bọc giấy chống ẩm màu nâu, dài 25 cm, đường kính 03 cm bên trong có chứa chất bột màu trắng (ký hiệu G3) là vật nổ, loại thuốc nổ Amonit, tính năng của thuốc nổ Amonit dùng để phá hủy mục tiêu, tác dụng để phá đá mở đường, khai khoáng mỏ.

+ 01 (một) vật hình trụ vỏ bọc bằng các sợi vải màu nâu, dài 01 mét, đường kính 0,6 cm bên trong có chứa chất bột đen (ký hiệu G4) là vật liệu nổ, loại dây cháy chậm, tính năng dùng để dẫn lửa vào đốt kíp, tác dụng dùng cho người đốt có đủ thời gian để ra khỏi bán kính nguy hiểm của lượng nổ.

+ 100 gam hạt nhỏ hình cầu màu trắng (ký hiệu G5) là muối Amonit nitrat, không phải vật liệu nổ.

+ 100 gam hạt nhỏ hình cầu màu trắng (ký hiệu G6) là muối Amonit nitrat, không phải vật liệu nổ.

+ 01 (một) vật hình trụ vỏ bọc bằng các sợi vải màu nâu, dài 01 mét, đường kính 0,6 cm, bên trong có chứa chất bột màu đen (ký hiệu G8) là vật liệu nổ, loại dây cháy chậm, tính năng dùng để dẫn lửa vào đốt kíp.

+ 01 (một) vật hình trụ vỏ bọc bằng các sợi vải màu nâu, dài 01 mét, đường kính 0,6 cm, bên trong có chứa chất bột màu đen (ký hiệu G9) là vật liệu nổ, loại dây cháy chậm, tính năng dùng để dẫn lửa vào đốt kíp.

Tại kết luận giám định số: 1998/C54(P4) ngày 05/5/2017, của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát kết luận: Chất lỏng màu vàng đựng trong chai nhựa loại 500ml gửi giám định là dầu hỏa dân dụng.

Tại kết luận giám định số: 686/ KL - PC54 ngày 02/6/2017, của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận vật chứng thu giữ nhà **Lương Văn N** khi khám xét là:

+ 01 (Một) vật có dạng hình trụ bằng kim loại màu vàng, có chiều dài 5,6 cm, đường kính 0,7 cm, một đầu có 02 sợi dây điện, một dây màu đỏ, một dây màu vàng đều dài 14 cm (ký hiệu N1) là vật liệu nổ, loại kíp nổ vi sai điện, tác dụng dùng để kích nổ lượng thuốc nổ.

+ 03 (Ba) vật có dạng hình trụ bằng kim loại màu vàng, có chiều dài 5,6 cm, đường kính 0,7 cm, một đầu có 02 sợi dây điện, một dây màu đỏ, một dây màu vàng đều dài 1,70 m (ký hiệu N2) là vật liệu nổ, loại kíp nổ vi sai điện, tác dụng dùng để kích nổ lượng thuốc nổ.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 14 giờ ngày 18/4/2017 Trần Văn B gọi điện thoại cho Hoàng Thị M hỏi mua 02 cốp thuốc nổ T21, 100 kíp nổ, 01 cuộn dây cháy chậm, 50kg thuốc nổ Anfo và hẹn tối ngày 18/4/2017 mang đến xã TL, huyện ĐH giao cho B. M đồng ý, lúc này M đang ở nhà Dương Quang L (sinh năm: 1957, Trú tại: xóm TX, xã BH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang) M gọi điện cho Nguyễn Văn C (sinh năm: 1973, HKTT: thôn CV, xã ĐĐ, huyện LG, tỉnh Bắc Giang) hỏi mua 05 cốp thuốc nổ, nhưng C chỉ có 02 cốp thuốc nổ (gồm 20 thỏi trọng lượng 04kg) M đồng ý mua của C với giá thỏa thuận là 1.000.000đ. Sau đó M nhờ L gọi điện thoại cho Lương Văn N (sinh năm: 1958, Trú quán: xóm ĐT, xã

ĐD, huyện LG, tỉnh Bắc Giang) hỏi mua thuốc nổ, N trả lời với L không có. Sau đó M mượn điện thoại của L gọi đề M gọi điện thoại lại cho N để hỏi mua thuốc nổ, nhưng N không có thuốc nổ mà chỉ có 100 kíp nổ, M thỏa thuận mua của N 100 chiếc kíp nổ với giá 1.350.000đ tiền Việt Nam. Do M, N và C có mối quan hệ quen biết nhau từ trước nên M gọi điện cho C bảo C khi nào mang thuốc nổ đến thì qua nhà N lấy hộ 100 chiếc kíp nổ và trả tiền hộ M rồi M sẽ trả tiền cho C sau, C đồng ý. Khoảng 17 giờ cùng ngày C đi xe mô tô chở 02 cốp thuốc nổ rồi qua nhà N mua của N 100 chiếc kíp nổ giá 1.350.000đ tiền Việt Nam sau đó C đi đến nhà M giao cho M và C đã nhận của M số tiền 2.350.000đ tiền Việt Nam. Trước đó M mua ở Hợp tác xã dịch vụ thương mại TH 50kg phân đạm mục đích để bón cho cây, đồng thời M cũng biết phân đạm trộn với dầu hỏa sẽ tạo thành thuốc nổ ANFO, nên M đi mua thêm 5 lít dầu hỏa mục đích để bán cho người mua trộn với nhau tạo thành thuốc nổ ANFO. Sau đó M gọi điện cho Nguyễn Thị T lái xe đến chở M cùng toàn bộ số vật liệu nổ gồm: 02 túi thuốc nổ (20 thời hình trụ tròn), 100 chiếc kíp nổ, 50 mét dây cháy chậm và 50 kg phân đạm, 05 lít dầu hỏa đi theo sự chỉ dẫn của M, khi đi M rủ L đi chơi cùng. T điều khiển xe chở M và L đi đến xã TL, huyện ĐH gặp B và giao toàn bộ số vật liệu nổ trên cho B. Sau khi gặp nhau, B bảo M và L xuống xe đứng đợi B ở đường, còn B lên xe bảo T chở B đến đoạn đường Quốc lộ 17, thuộc xóm M, xã NH, huyện ĐH là địa điểm B giao hẹn bán vật liệu nổ cho người tên H. Trong lúc đang đứng đợi H thì bị tổ công tác Công an tỉnh Thái Nguyên đến kiểm tra phát hiện bắt quả tang B cùng vật chứng.

Vật chứng vụ án là: 01 (một) phong bì niêm phong bên trong là 01 hộp giấy cứng đựng 99 kíp nổ bằng kim loại màu trắng, KT dài 3,8cm, đường kính 0,7cm. (ký hiệu L1); 01 (một) phong bì niêm phong bên trong là 01 (Một) túi nilon màu đen đựng bên trong 02 túi nilon màu trắng, mỗi túi đựng 09 thời hình trụ tròn màu nâu KT dài 25cm, đường kính 0,3cm, trên thân mỗi thời có ký hiệu AD1φ32.200g.21, tổng cộng 18 thời (ký hiệu L2); 01 (một) phong bì niêm phong bên trong là 01 (một) cuộn dây cháy chậm gồm 03 đoạn, các đoạn dây dài lần lượt là 25,40m; 9,65m; 12,50m (ký hiệu L3); 01 (một) bì niêm phong bên trong là 02 bao tải đựng nhiều hạt nhỏ màu trắng, mỗi bao có trọng lượng 24,9kg, tổng cộng 49,8 kg (ký hiệu L4); 01 (một) phong bì ký hiệu N2 bên trong có 03 (ba) vật có hình trụ tròn bằng kim loại màu vàng, có chiều dài 5,6 cm, đường kính 0,7 cm, một đầu có 02 sợi dây điện, một dây màu đỏ, một dây màu vàng dài 1,70 m là vật liệu nổ, loại kíp nổ vi sai điện; 01 (Một) túi niêm phong mã số PS2A 051601 bên trong là 01 vật hình trụ bên ngoài bọc giấy chống ẩm màu nâu, dài 25cm, đường kính 03cm là thuốc nổ Amonit (ký hiệu G2); 01 (Một) túi niêm phong mã số PS2A 051602 bên trong là 01 vật hình trụ bên ngoài bọc giấy chống ẩm màu nâu, dài

25cm, đường kính 03cm là thuốc nổ Amonit (ký hiệu G3). (Số vật chứng này đang được bảo quản tại kho vũ khí, trang bị kỹ thuật thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên).

01 (Một) bì niêm phong bên trong có 01 lọ nhựa màu trắng, kích thước khoảng (9,7x6x5)cm bên trong đựng 01 túi nilon màu trắng đựng chất bột màu trắng là hê rôin có trọng lượng 1,4g (Một phẩy bốn gam), đã trừ bì (Ký hiệu L8); 01 (Một) bì niêm phong bên trong có 01 lọ nhựa màu trắng, trên vỏ hộp có chữ “Viên Gout Tâm Bình” có KT cao khoảng 8,5cm, đường kính đáy khoảng 5,3cm bên trong có chứa 33 mảnh giấy nhỏ màu trắng và hê rôin có trọng lượng 1,28g (Một phẩy hai mươi tám gam), đã trừ bì (Ký hiệu L9); 01 (Một) bì niêm phong bên trong có 02 (Hai) dao lam bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng, hai dao lam có cùng kích thước, đặc điểm, trên dao có dòng chữ CROMA ROSTFREI – 2 (Ký hiệu B2A); 01 (một) vỏ bao tải dừa màu trắng kích thước 80 x 50 cm, loại vỏ bao 25kg, vỏ bao đã qua sử dụng, mặt trước bao có chữ AMONIUM NITRATE-NH₄NO₃; 01 (một) vỏ bao tải dừa màu trắng kích thước 80 x 50 cm, vỏ bao đã qua sử dụng, mặt trước bao có chữ AMONIUM NITRATE, mặt sau có chữ số 2014;- 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia kiểu loại 1200 vỏ màu xám – đen có số IMEI : 359553/01/077428/4; 01 sim điện thoại của nhà mạng Viettel có số thuê bao 01642.147.449 ; 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen (máy cũ đã qua sử dụng) có số IMEI : 352830/05/5076; Trong máy có 02 (hai) sim, số sim 1: 77926, số sim 2: 4809 ; 01 (Một) Điện thoại di động màu đen đã cũ nhãn hiệu Nokia, Model: RM-1011, CODE: 059V5V8, điện thoại loại 2 sim, IMEI 1: 356478/06/86856/6. IMEI 2: 356478/06/863857/4; 01 sim điện thoại di động mạng Viettel có số thuê bao: 01653.044.347; 01 sim điện thoại di động mạng Gmobile không xác định được số thuê bao, số sêri 8984072100 – 12348450 ; 01 (một) can nhựa loại can 5 lít, bên trong chứa 4,5 lít dầu hỏa dân dụng.

(Số vật chứng này hiện đang được lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ chờ xử lý).

Tại bản Cáo trạng số 92/KSĐT-TA ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ đã truy tố bị cáo Trần Văn B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 và “Mua bán trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự; bị cáo Hoàng Thị M và Nguyễn Văn C về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự; bị cáo Lương Văn N về tội “Mua bán, tàng trữ trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Trần Văn B, Hoàng Thị M và Nguyễn Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã xác định.

Riêng đối với bị cáo Lương Văn N khai: Bị cáo không có hành vi mua bán 100 chiếc kíp nổ với bị cáo C và bị cáo M, mà 100 chiếc kíp nổ đó bị cáo mua lại của một người tên T người Hải Phòng, thường lái thuyền trên sông, sau đó bị cáo đã đổi 100 chiếc kíp nổ này cho Cần để lấy chiếc máy bơm và 2 túi thuốc nổ. Bị cáo thừa nhận việc có C và L gọi điện thoại cho bị cáo hỏi để mua thuốc nổ ngày 18/4/2017, nhưng bị cáo nói không có, còn không có việc C trao đổi mua 100 chiếc kíp nổ, cũng như không có việc bị cáo M gọi điện cho N. Còn đối với 4 chiếc kíp nổ công an khám và thu giữ tại nhà bị cáo khai nguồn gốc là do một người trong dòng họ tên Lương Văn T cho bị cáo từ rất lâu rồi bị cáo cũng không nhớ nữa, đến khi công an khám nhà thu giữ thì bị cáo mới nhớ ra.

Những người làm chứng ông L khai: Ngày 18/4/2017 tôi có đến nhà cô M chơi (tôi và cô M quen biết nhau từ lâu), M hỏi tôi có số điện thoại của N không và bảo tôi gọi cho N để hỏi mua hộ 5 cốp thuốc nổ T21. Sau đó tôi gọi điện thoại cho N, khi tôi đang nói chuyện với N thì cô M có mượn điện thoại của tôi để nói chuyện với N, cô M cầm máy điện thoại đi ra ngoài nói chuyện gì với N thì tôi không biết. Đến khoảng 17 giờ thì M có rủ tôi đi Thái Nguyên chơi, tôi đồng ý, đến khoảng 18 giờ thì tôi thấy xe của cô T đến nhà cô M, cô T và cô M mang đồ vào xe và chúng tôi đi Thái Nguyên. Khi đi đến khu vực xã TL thì tôi thấy cô M trao đổi điện thoại với B, sau đó B lên xe, còn tôi và cô M đợi ở rìa đường. Khoảng 1 tiếng sau thì B và cô T quay lại và có công an đến kiểm tra chúng tôi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép vật liệu nổ”; Hoàng Thị M và Nguyễn Văn C phạm tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ”; bị cáo Lương Văn N phạm tội “Mua bán, tàng trữ trái phép vật liệu nổ”.

Áp dụng: - Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 BLHS năm 1999; điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 xử phạt Trần Văn B từ 24-30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Khoản 1, khoản 5 Điều 232; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 BLHS năm 1999 xử phạt Trần Văn B từ 24-30 tháng tù về Mua bán trái phép vật liệu nổ. Phạt bổ sung cho bị cáo 5-6 triệu đồng.

Áp dụng Điều 50 BLHS tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 48-60 tháng tù.

- Khoản 1, khoản 5 Điều 232; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 BLHS xử phạt Lương Văn N từ 24-30 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 5-6 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

- Khoản 1 Điều 232; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 BLHS xử phạt bị cáo Hoàng Thị M từ 18-24 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36-48 tháng. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo vì gia đình bị cáo là hộ nghèo.

- Khoản 1, khoản 5 Điều 232; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 18-24 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36-48 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 5-6 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 41 Bộ luật hình sự; Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12;

- Giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên giải quyết theo thẩm quyền: 01 (một) phong bì niêm phong bên trong là 01 hộp giấy cứng đựng 99 kíp nổ bằng kim loại màu trắng, KT dài 3,8cm, đường kính 0,7cm (ký hiệu L1); 01 (một) phong bì niêm phong bên trong là 01 (một) túi nilon màu đen đựng bên trong 02 túi nilon màu trắng, mỗi túi đựng 09 thỏi hình trụ tròn màu nâu KT dài 25cm, đường kính 0,3cm, trên thân mỗi thỏi có ký hiệu AD1φ32.200g.21, tổng cộng 18 thỏi (ký hiệu L2); 01 (một) phong bì niêm phong bên trong là 01 (một) cuộn dây cháy chậm gồm 03 đoạn, các đoạn dây dài lần lượt là 25,40m; 9,65m; 12,50m; (ký hiệu L3); 01 (một) phong bì ký hiệu N2 bên trong có 03 (ba) vật có hình trụ tròn bằng kim loại màu vàng, có chiều dài 5,6 cm, đường kính 0,7 cm, một đầu có 02 sợi dây điện, một dây màu đỏ, một dây màu vàng dài 1,70 m là vật liệu nổ, loại kíp nổ vi sai điện; 01 (Một) túi niêm phong mã số PS2A 051601 bên trong là 01 vật hình trụ bên ngoài bọc giấy chống ẩm màu nâu, dài 25cm, đường kính 03cm là thuốc nổ Amonit (ký hiệu G2); 01 (Một) túi niêm phong mã số PS2A 051602 bên trong là 01 vật hình trụ bên ngoài bọc giấy chống ẩm màu nâu, dài 25cm, đường kính 03cm là thuốc nổ Amonit (ký hiệu G3)

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia kiểu loại 1200 vỏ màu xám – đen có số IMEI : 359553/01/077428/4, có 01 sim điện thoại của nhà mạng Viettel có số thuê bao 01642.147.449 thu giữ của bị cáo Dương Văn Cẩn; 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen có số IMEI : 352830/05/5076; trong máy có 02 (hai) sim, số sim 1: 77926, số sim 2: 4809 thu giữ của bị cáo Lương Văn N; 01 (Một) Điện thoại di động màu đen đã cũ nhãn hiệu Nokia, Model: RM-1011, CODE: 059V5V8, điện thoại loại 2 sim, IMEI 1: 356478/06/86856/6. IMEI 2: 356478/06/863857/4; 01 sim điện thoại di động mạng Viettel có số thuê bao: 01653.044.347 có 01 sim điện thoại di động mạng

Gmobile không xác định được số thuê bao, số seri 8984072100 – 12348450 thu giữ của bị cáo Hoàng Thị M.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) bì niêm phong bên trong có 01 lọ nhựa màu trắng, kích thước khoảng (9,7x6x5)cm bên trong đựng 01 túi nilon màu trắng đựng chất hêrôin có trọng lượng 1,4g (Một phẩy bốn gam), đã trừ bì (ký hiệu L8); 01 (một) bì niêm phong bên trong có 01 lọ nhựa màu trắng, trên vỏ hộp có chữ “Viên Gout Tâm Bình” có KT cao khoảng 8,5cm, đường kính đáy khoảng 5,3cm bên trong có chứa 33 mảnh giấy nhỏ màu trắng và chất hêrôin có trọng lượng 1,28g (Một phẩy hai mươi tám gam) (ký hiệu L9); 01 (Một) bì niêm phong bên trong có 02 (Hai) dao lam bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng, hai dao lam có cùng kích thước, trên dao có dòng chữ CROMA ROSTFREI – 2 (ký hiệu B2A); 01 (một) vỏ bao tải dừa màu trắng kích thước 80 x 50 cm, loại vỏ bao 25kg, vỏ bao đã qua sử dụng, mặt trước bao có chữ AMONIUM NITRATE-NH₄NO₃; 01 (một) vỏ bao tải dừa màu trắng kích thước 80 x 50 cm, vỏ bao đã qua sử dụng, mặt trước bao có chữ AMONIUM NITRATE, mặt sau có chữ số 2014; 01 (một) can nhựa loại can 5 lít, bên trong chứa 4,5 lít dầu hỏa dân dụng và 01 (một) bì niêm phong bên trong là 02 bao tải đựng nhiều hạt nhỏ màu trắng, mỗi bao có trọng lượng 24,9kg, tổng cộng 49,8 kg (ký hiệu L4)

Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS, Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội buộc mỗi bị cáo B, C và N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST nộp ngân sách Nhà nước. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo M vì gia đình bị cáo là hộ nghèo.

Các bị cáo B, M và C không có ý kiến tranh luận gì, bị cáo nói lời sau cùng xin được hưởng mức án thấp nhất. Còn bị cáo N có ý kiến tranh luận về xác định tiền án năm 2008 của bị cáo. Viện kiểm sát đối đáp với ý kiến tranh luận của bị cáo và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, bị cáo nhất trí và xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Trần Văn B, Hoàng Thị M và Nguyễn Văn C thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội. Đối với bị cáo Lương Văn N không thừa nhận hành vi bán 100 kíp nổ cho M, sau đó M lại nhờ C đi lấy và trả tiền cho N vào ngày 18/4/2017, mà N khai 100 kíp nổ trên N đối cho C trước đây không nhớ thời gian cụ thể để lấy 01 máy bơm nước của C. N khai ngày 18/4/2017

giữa N và C không có cuộc trao đổi điện thoại nào, mà chỉ thừa nhận hành vi tàng trữ 04 chiếc kíp tại nhà mình mà công an khám nhà đã thu giữ, tuy nhiên với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như lời khai của các bị cáo và bảng kê chi tiết các cuộc gọi đến và gọi đi từ thuê bao của C và N đủ cơ sở khẳng định ngày 18/4/2017 N bán cho C 100 kíp nổ với giá 1.350.000đ. Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo M, C, B tại phiên tòa hôm nay cũng như căn cứ vào chứng cứ tài liệu khác được thu thập trong quá trình điều tra như: Biên bản phạm tội quả tang, các bản kết luận giám định, Biên bản đối chất, bảng kê chi tiết các cuộc gọi đến và gọi đi từ thuê bao của C và N, vật chứng thu giữ... Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Hồi 17 giờ ngày 18/4/2017, Nguyễn Văn C mang theo 04 kg thuốc nổ Amonit từ nhà ở thôn Cn, xã DĐ, huyện LG, tỉnh Bắc Giang sang nhà Lương Văn N ở thôn ĐT, xã DĐ, huyện LG, tỉnh Bắc Giang và mua của N 100 kíp nổ giá 1.350.000đ tiền Việt Nam. Sau đó C đi sang nhà Hoàng Thị M ở xóm ĐL, xã BH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang bán cho M 02 túi thuốc nổ và 100 kíp nổ với giá 2.350.000đ tiền Việt Nam. Đến 18 giờ cùng ngày M mang 04 kg thuốc nổ; 100 kíp nổ; 50 m dây cháy chậm đi đến đoạn đường thuộc xóm BN, xã TL, huyện ĐH bán cho Trần Văn B với giá 6.100.000đ. Sau đó B định mang đi tiêu thụ, đến đoạn đường Quốc lộ 17, thuộc xóm M, xã NH, huyện ĐH thì bị Tổ công tác Công an tỉnh Thái Nguyên bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Vào hồi 0 giờ 30 phút ngày 19/4/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên khám xét khẩn cấp nhà Trần Văn B tại xóm BN, xã TL, huyện ĐH thu giữ của Bùng 3,05 gam ma túy loại **Hêrôin**.

Quá trình điều tra hồi 13h30 phút ngày 19/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra khám xét khẩn cấp nhà Lương Văn N tại thôn ĐT, xã DĐ, huyện LG, tỉnh Bắc Giang thu giữ của N 04 kíp nổ vi sai điện, là vật liệu nổ, tác dụng dùng để kích nổ lượng thuốc nổ.

Tại kết luận giám định số: 557/ KL – PC54 ngày 25/4/2017, của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận chất bột màu trắng thu giữ khi khám xét nhà Trần Văn B là chất ma túy, loại Hêrôin, có tổng trọng lượng 3,05 gam.

Tại kết luận giám định số: 561/ KL – PC54 ngày 25/4/2017, của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Trần Văn B là vật liệu nổ, loại kíp nổ đốt số 8, là loại dây cháy chậm và loại thuốc nổ Amonit.

Tại kết luận giám định số: 686/ KL – PC54 ngày 02/6/2017, của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận vật chứng thu giữ nhà Lương Văn N là vật liệu nổ, loại kíp nổ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Văn B đã đủ yếu tố thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 và khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự; hành vi của Hoàng Thị M và Nguyễn Văn C đã đủ yếu tố thành tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự; hành vi tàng trữ 04 chiếc kíp nổ, mua bán 100 kíp nổ và trước đó bị cáo N đã có tiền án chưa được xóa án tích, nên hành vi này của Lương Văn N đã đủ yếu tố thành tội “Mua bán, tàng trữ trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung các điều luật như sau:

Điều 194 quy định

1. “Người nào tàng trữ trái phép ... chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Điều 232 quy định:

1. “Người nào ... tàng trữ ... mua bán trái phép ... vật liệu nổ, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm”.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng....

Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra theo điều luật nêu trên.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm vào các quy định độc quyền của các cơ quan Nhà nước về chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán và quản lý vật liệu nổ. Từ việc tàng trữ trái phép vật liệu nổ có thể gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe con người, phá hủy tài sản, môi trường ... xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Ngoài ra hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Bùng là nguy hiểm cho xã hội, bởi ma túy hủy hoại sức khỏe con người, là nguyên nhân phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Việc đưa ra xét xử đối với các bị cáo là cần thiết để răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Xét vai trò, nhân thân của các bị cáo trong vụ án:

Về vai trò: Các bị cáo trong vụ án tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn. Bị cáo B là người giữ vai trò chính trong vụ án, đã chủ động đặt vấn đề với bị cáo

M. Bị cáo M và bị cáo C tham gia một cách tích cực, giữ vai trò như nhau và vai trò sau cùng trong vụ án là bị cáo N.

Về nhân thân: Các bị cáo M, C đều là người lao động, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; các bị cáo B và N có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử về tội mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép vật liệu nổ.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo B, M và C thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo N chỉ khai nhận hành vi tàng trữ trái phép vật liệu nổ, mà không thừa nhận có việc mua bán 100 chiếc kíp nổ với C và M, tuy nhiên hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Hoàng Thị M có anh trai là liệt sỹ, bị cáo đang thờ cúng, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra bị cáo M, C có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương xác nhận đề nghị, do đó bị cáo M, bị cáo C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Văn B và Lương Văn N đã có tiền án về tội mua bán trái phép vật liệu nổ đến nay chưa được xóa án tích (bị cáo Bùng bị xét xử năm 2013, bị cáo N bị xét xử năm 2008 và 2015), do đó lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nên bị cáo B và bị cáo N phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Bị cáo M và C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật cải tạo, tu dưỡng thành công dân tốt. Tuy nhiên đối với bị cáo B và bị cáo N có nhân thân xấu, đã bị xét xử về cùng loại tội nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội điều đó chứng tỏ rằng bị cáo B, N coi thường pháp luật, do đó cần xử phạt bị cáo B từ 24 đến 25 tháng tù về tội Mua bán trái phép vật liệu nổ và từ 24 đến 25 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép

chất ma túy; cần xử phạt bị cáo N từ 24 đến 25 tháng tù, cách ly hai bị cáo này ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung

Đối với bị cáo M và bị cáo C có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo là người lao động, nhất thời phạm tội, bị cáo đã nhận thấy được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương xác nhận, đề nghị, do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo M và C ra khỏi xã hội mà có thể áp dụng Điều 60 BLHS, Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xử phạt mỗi bị cáo từ 18 đến 20 tháng tù, cho hưởng án treo, cho các bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

Đối với hành vi tàng trữ êrôin của bị cáo B, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 quy định: “ Điều luật xóa bỏ một tội phạm ... quy định một hình phạt nhẹ hơn ... xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành”.

Như vậy, tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 tương ứng với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015.

Nội dung điều luật 249 BLHS năm 2015 như sau:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy ... thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

Về khung hình phạt đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 có khung hình phạt cao nhất là 05 năm tù, nhẹ hơn khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 cao nhất là 7 năm tù. Đối chiếu với khung hình phạt trên, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về hình phạt bổ sung: Đối với bị cáo B tàng trữ ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân, không có mục đích bán kiếm lời nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Các bị cáo mua bán vật liệu nổ nhằm mục đích kiếm lời nên cần áp dụng khoản 5 Điều 232 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung mỗi bị cáo 5 đến 6 triệu đồng sung quỹ Nhà

nước. Đối với bị cáo M là gia đình hộ nghèo, có đơn xin miễn hình phạt bổ sung nên Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo M.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 76 BLTTHS, Điều 41 BLHS; Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30/6/2011 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Đối với 01 (một) phong bì niêm phong bên trong là 01 hộp giấy cứng đựng 99 kíp nổ bằng kim loại màu trắng, KT dài 3,8cm, đường kính 0,7cm (ký hiệu L1); 01 (một) phong bì niêm phong bên trong là 01 (một) túi nilon màu đen đựng bên trong 02 túi nilon màu trắng, mỗi túi đựng 09 thỏi hình trụ tròn màu nâu KT dài 25cm, đường kính 0,3cm, trên thân mỗi thỏi có ký hiệu AD1φ32.200g.21, tổng cộng 18 thỏi (ký hiệu L2); 01 (một) phong bì niêm phong bên trong là 01 (một) cuộn dây cháy chậm gồm 03 đoạn, các đoạn dây dài lần lượt là 25,40m; 9,65m; 12,50m (ký hiệu L3); 01 (một) phong bì ký hiệu N2 bên trong có 03 (ba) vật có hình trụ tròn bằng kim loại màu vàng, có chiều dài 5,6 cm, đường kính 0,7 cm, một đầu có 02 sợi dây điện, một dây màu đỏ, một dây màu vàng dài 1,70 m là vật liệu nổ, loại kíp nổ vi sai điện; 01 (một) túi niêm phong mã số PS2A 051601 bên trong là 01 vật hình trụ bên ngoài bọc giấy chống ẩm màu nâu, dài 25cm, đường kính 03cm là thuốc nổ Amonit (ký hiệu G2); 01 (một) túi niêm phong mã số PS2A 051602 bên trong là 01 vật hình trụ bên ngoài bọc giấy chống ẩm màu nâu, dài 25cm, đường kính 03cm là thuốc nổ Amonit (ký hiệu G3) là vật chứng của vụ án cần giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên giải quyết theo thẩm quyền.

- Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia kiểu loại 1200 vỏ màu xám – đen có số IMEI : 359553/01/077428/4 có 01 sim điện thoại của nhà mạng Viettel có số thuê bao 01642.147.449 thu giữ của bị cáo Dương Văn C; 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen có số IMEI : 352830/05/5076; bên trong máy có 02 (hai) sim, số sim 1: 77926, số sim 2: 4809 thu giữ của bị cáo Hoàng Thị M; 01 (Một) Điện thoại di động màu đen đã cũ nhãn hiệu Nokia, Model: RM-1011, CODE: 059V5V8, điện thoại loại 2 sim, IMEI 1: 356478/06/86856/6. IMEI 2: 356478/06/863857/4; 01 sim điện thoại di động mạng Viettel có số thuê bao: 01653.044.347; 01 sim điện thoại di động mạng Gmobile không xác định được số thuê bao, số seri 8984072100 – 12348450 là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội xét thấy còn giá trị và giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (Một) bì niêm phong bên trong có 01 lọ nhựa màu trắng, kích thước khoảng (9,7x6x5)cm bên trong đựng 01 túi nilon màu trắng đựng chất bột màu trắng là ma túy, có trọng lượng 1,4g (Một phẩy bốn gam), (ký hiệu L8); 01 (Một) bì niêm phong bên trong có 01 lọ nhựa màu trắng, trên vỏ hộp có chữ “Viên Gout Tâm Bình” có KT cao khoảng 8,5cm, đường kính đáy khoảng 5,3cm bên trong

có chứa 33 mảnh giấy nhỏ màu trắng và chất bột màu trắng có trọng lượng 1,28g (Một phẩy hai mươi tám gam), (ký hiệu L9); 01 (Một) bì niêm phong bên trong có 02 (Hai) dao lam bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng, hai dao lam có cùng kích thước, trên dao có dòng chữ CROMA ROSTFREI – 2 (ký hiệu B2A); 01 (một) vỏ bao tải dừa màu trắng kích thước 80 x 50 cm, loại vỏ bao 25kg, vỏ bao đã qua sử dụng, mặt trước bao có chữ AMONIUM NITRATE-NH₄NO₃; 01 (một) vỏ bao tải dừa màu trắng kích thước 80 x 50 cm, vỏ bao đã qua sử dụng, mặt trước bao có chữ AMONIUM NITRATE, mặt sau có chữ số 2014; 01 (một) can nhựa loại can 5 lít, bên trong chứa 4,5 lít dầu hỏa dân dụng và 01 (một) bì niêm phong bên trong là 02 bao tải đựng nhiều hạt nhỏ màu trắng, mỗi bao có trọng lượng 24,9kg, tổng cộng 49,8 kg (ký hiệu L4) là vật chứng của vụ án không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy

Đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay đối với các bị cáo, xét thấy là phù hợp được chấp nhận.

Trong vụ án này còn có chị Nguyễn Thị T là người lái xe ô tô BKS 98A – 10935 chở bị can M cùng vật liệu nổ từ Bắc Giang lên Thái Nguyên, sau đó T lại chở B cùng số vật liệu nổ trên đến đoạn đường thuộc xóm BN, xã TL, huyện ĐH để bán nhưng chưa kịp bán thì bị Công an thu giữ. Quá trình điều tra xác định chị T không liên quan đến vụ án, ngày 23/5/2017 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thái Nguyên đã trả lại chiếc xe ô tô BKS 98A – 10935 cho chị T để quản lý và sử dụng. Dương Quang L là người đi cùng bị cáo M, quá trình điều tra xác định L không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Hỷ không xử lý.

Về nguồn gốc số kíp nổ, theo N khai của người đàn ông tên T (không biết địa chỉ cụ thể) làm nghề lái tàu chở quặng. Quá trình điều tra chưa đủ căn cứ xác minh, làm rõ để xử lý. Còn Lương Văn T theo N khai cho N 04 kíp nổ, quá trình điều tra xác định T đã chết ngày 29/5/2017.

Về nguồn gốc ma túy, theo B khai mua của một người đàn ông tên TB (không biết địa chỉ) ở khu vực CM, huyện PB. Quá trình điều tra chưa đủ căn cứ xác minh, làm rõ để xử lý.

Đối với người tên H, theo B khai mang thuốc nổ đến xóm M, xã NH để bán cho H. Quá trình điều tra xác minh H thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ để xử lý sau.

Buộc các bị cáo (trừ bị cáo M) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với bị cáo M là gia đình hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo M.

Cần tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn B và Lương Văn N để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép vật liệu nổ”.

Hoàng Thị M và Nguyễn Văn C phạm tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ”.

Lương Văn N phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 194, khoản 1, khoản 5 Điều 232; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn B 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2017.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng về tội Mua bán trái phép vật liệu nổ.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 232; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt Lương Văn N 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/5/2017. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 228 BLTTHS tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn B và Lương Văn N mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 232; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt Hoàng Thị M 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 232; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn C 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Hoàng Thị M cho Ủy ban nhân dân xã BH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã DĐ, huyện LG, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 41 Bộ luật hình sự; Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30/6/2011 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên giải quyết theo thẩm quyền: 01 (một) phong bì niêm phong bên trong là 01 hộp giấy cứng đựng 99 kíp nổ bằng kim loại màu trắng, KT dài 3,8cm, đường kính 0,7cm. (Ký hiệu L1); 01 (một) phong bì niêm phong bên trong là 01 (một) túi nilon màu đen đựng bên trong 02 túi nilon màu trắng, mỗi túi đựng 09 thỏi hình trụ tròn màu nâu KT dài 25cm, đường kính 3cm, trên thân mỗi thỏi có ký hiệu AD1φ32.200g.21, tổng cộng 18 thỏi (Ký hiệu L2); 01 (một) phong bì niêm phong bên trong là 01 (Một) cuộn dây cháy chậm gồm 03 đoạn, các đoạn dây dài lần lượt là 25,40m; 9,65m; 12,50m; (Ký hiệu L3); 01 (một) phong bì ký hiệu N2 bên trong có 03 (ba) vật có hình trụ tròn bằng kim loại màu vàng, có chiều dài 5,6 cm, đường kính 0,7 cm, một đầu có 02 sợi dây điện, một dây màu đỏ, một dây màu vàng dài 1,70 m; 01 (Một) túi niêm phong mã số PS2A 051601 bên trong là 01 vật hình trụ bên ngoài bọc giấy chống ẩm màu nâu, dài 25cm, đường kính 03cm (Ký hiệu G2); 01 (Một) túi niêm phong mã số PS2A 051602 bên trong là 01 vật hình trụ bên ngoài bọc giấy chống ẩm màu nâu, dài 25cm, đường kính 03cm (Ký hiệu G3).

Số vật chứng trên hiện đang bảo quản tại kho vũ khí đạn Đại đội kho 29, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia kiểu loại 1200 vỏ màu xám – đen có số IMEI : 359553/01/077428/4; 01 sim điện thoại của nhà mạng Viettel có số thuê bao 01642.147.449 ; 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen (máy cũ đã qua sử dụng) có số IMEI : 352830/05/507616/4; Trong máy có 02 (hai) sim, số sim 1: 77926, số sim 2: 4809 ; 01 (Một) Điện thoại di động màu đen đã cũ nhãn hiệu Nokia, Model: RM-1011, CODE: 059V5V8, điện thoại loại 2 sim, IMEI 1: 356478/06/863856/6. IMEI 2: 356478/06/863857/4; 01 sim điện thoại di động mạng Viettel có số thuê bao: 01653.044.347; 01 sim điện thoại di động mạng Gmobile không xác định được số thuê bao, số seri 8984072100 – 12348450.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) bì niêm phong bên trong có 01 lọ nhựa màu trắng, kích thước khoảng (9,7x6x5)cm bên trong đựng 01 túi nilon màu trắng đựng chất bột màu trắng là ma túy, có trọng lượng 1,4g (Một phẩy bốn gam), (Ký hiệu L8); 01 (Một) bì niêm phong bên trong có 01 lọ nhựa màu trắng, trên vỏ hộp có chữ “Viên Gout Tâm Bình” có KT cao khoảng 8,5cm, đường kính đáy khoảng

5,3cm bên trong có chứa 33 mảnh giấy nhỏ màu trắng và chất bột màu trắng có trọng lượng 1,28g (Một phẩy hai mươi tám gam), (Ký hiệu L9); 01 (Một) bì niêm phong bên trong có 02 (Hai) dao lam bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng, hai dao lam có cùng kích thước, trên dao có dòng chữ CROMA ROSTFREI – 2 (Ký hiệu B2A); 01 (một) vỏ bao tải dừa màu trắng kích thước 80 x 50 cm, loại vỏ bao 25kg, vỏ bao đã qua sử dụng, mặt trước bao có chữ AMONIUM NITRATE-NH₄NO₃; 01 (một) vỏ bao tải dừa màu trắng kích thước 80 x 50 cm, vỏ bao đã qua sử dụng, mặt trước bao có chữ AMONIUM NITRATE, mặt sau có chữ số 2014; 01 (một) can nhựa loại can 5 lít, bên trong chứa 4,5 lít dầu hỏa dân dụng; 01 (một) bì niêm phong bên trong là 02 bao tải đựng nhiều hạt nhỏ màu trắng, mỗi bao có trọng lượng 24,9kg, tổng cộng 49,8 kg (ký hiệu L4).

(Số vật chứng nêu trên đang được bảo quản tại kho của chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ. Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/11/2017. Riêng vật chứng ký hiệu đang bảo quản tại kho vũ khí đạn Đại đội kho 29, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trần Văn B, Nguyễn Văn C và Lương Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Thị M vì gia đình bị cáo là hộ nghèo.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- T.H.A DS huyện Đồng Hỷ;
- Bị cáo,
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đức Thuận

(Đã ký)